

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Masan Group hoàn thành mục tiêu tài chính đề ra tại ĐHCĐTN 2020 Quý 4/2020, VinCommerce đạt lợi nhuận biên EBITDA, hoàn tất giai đoạn 1 của quá trình chuyển đổi

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 1 năm 2021 – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (HOSE: MSN, “Masan” hoặc “Công ty”) công bố kết quả kinh doanh Quý 4 và năm tài chính 2020 (“FY2020”).

Các điểm chính

- **The CrownX** (công ty nắm giữ lợi ích của MSN tại VinCommerce và Masan Consumer Holdings) vươn lên trở thành công ty kinh doanh trong lĩnh vực tiêu dùng đứng thứ 2 về doanh thu tại Việt Nam. Năm 2020, The CrownX đạt doanh thu thuần 54,277 tỷ đồng (xấp xỉ 2,5 tỷ USD), tăng trưởng 18,1% so với năm trước và biên EBITDA tăng 280 điểm cơ bản lên mức 8,3%.
 - Quý 4/2020, **VinCommerce (“VCM”)** đánh dấu sự hoàn tất giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi, đạt EBITDA dương 16 tỷ đồng.
 - **Masan Consumer Holdings (“MCH”)** đánh dấu cột mốc quan trọng: doanh thu thuần lần đầu tiên đạt mức 1 tỷ USD vào năm 2020. Doanh thu thuần và EBITDA tăng trưởng lần lượt 27,2% và 22,4% so với năm 2019.
- **Masan MEATLife (“MML”)** tăng tốc hướng đến tầm nhìn trở thành công ty theo mô hình FMCG: Doanh thu thuần mảng thịt tích hợp đạt 100 triệu USD (2.378 tỷ đồng). Đóng góp của mảng kinh doanh này vào doanh thu thuần hợp nhất tăng gấp 5 lần, từ mức 3% trong năm 2019 lên 15% trong năm 2020.
- Lợi nhuận sau thuế của **Techcombank (“TCB”)** tăng trưởng 23,0% nhờ chiến lược đặt người tiêu dùng làm trọng tâm. CASA hiện chiếm gần 50% của Cơ cấu nguồn vốn.
- **Masan High-Tech Materials (“MHT”)** hiện thực hóa tầm nhìn trở thành nền tảng vật liệu công nghiệp công nghệ cao toàn cầu với việc mua lại mảng kinh doanh vonfram của Tập đoàn H.C. Starck (“HCS”). Thỏa thuận đầu tư trị giá 90 triệu USD của Mitsubishi Materials Corporation vào MHT (tương ứng 10,0% vốn cổ phần pha loãng hoàn toàn) càng củng cố hơn nữa chiến lược này. Giá APT tăng gần đây (tăng 20% so với mức thấp nhất của năm 2020) cho thấy vonfram cũng thừa hưởng lợi thế từ siêu chu kỳ khoáng sản dự kiến xảy ra trong tương lai, bằng chứng là giá nhiều loại kim loại bao gồm Đồng đang ở mức cao nhất trong vòng 8 năm.
- Kết thúc năm 2020, **Masan Group (“MSN”)** hoàn thành mục tiêu với doanh thu thuần hợp nhất đạt 77.218 tỷ đồng và Lợi nhuận thuần phân bổ cho Cổ đông của Công ty (NPAT Post MI) đạt 1.234 tỷ đồng. Trước đó, tại ĐHCĐTN diễn ra vào tháng 6/2020, MSN đề ra mục tiêu doanh thu thuần trong mức từ 75.000 - 85.000 tỷ đồng và NPAT POST MI trong mức từ 1.000 - 3.000 tỷ đồng.

Chủ tịch HĐQT Masan Group, Dr. Nguyễn Đăng Quang cho biết: “*Nền tảng tiêu dùng bán lẻ The CrownX đã hoàn tất giai đoạn đầu tiên trong quá trình chuyển đổi. Quý 4/2020, VinCommerce đã đạt mức EBITDA dương; trong khi đó, MCH tăng trưởng doanh thu gần 30% nhờ vào khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và thế mạnh xây dựng thương hiệu. Đây chỉ mới là điểm khởi đầu trên con đường xây dựng hệ sinh thái đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hiện đại, giúp đẩy mạnh tăng trưởng và mang đến các giá trị vượt trội. Năm 2021, Masan đặt mục tiêu chuyển đổi VCM từ điểm mua sắm thuần túy trở thành nền tảng phục vụ các nhu cầu thiết yếu, mang đến cho người tiêu dùng trải nghiệm xuyên suốt từ online-to-offline. Chúng tôi gọi đây là Point of Life: nền tảng cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thiết yếu chiếm hơn 50% chi tiêu tiêu dùng bao gồm hàng FMCG, thực phẩm tươi sống, các sản phẩm, dịch vụ tài chính, và các dịch vụ giá trị gia tăng. Đây chính là đích đến khi Masan quyết định mở rộng sang lĩnh vực bán lẻ. Từ nền tảng vững chắc đã được thiết lập, 2021 là năm bản lề để chúng tôi hiện thực hóa tầm nhìn này.*”

Các kết quả kinh doanh nổi bật trong năm 2020

- Năm 2020, **The CrownX** đạt doanh thu thuần 54.277 tỷ đồng và biên EBITDA 8.3%. Trên cơ sở so sánh tương đương like-for-like (“LFL”), giả định hợp nhất kết quả năm 2019 của VCM, doanh thu và EBITDA của The CrownX tăng trưởng lần lượt 18,1% và 77,9%. Biên EBITDA LFL cải thiện đạt mức 13,2% trong Quý 4/2020, tăng 340 điểm cơ bản (“bps”) so với mức 9,8% ở Quý 4/2019.
 - VCM: Toàn chuỗi hòa vốn vào Quý 4/2020, và các cửa hàng LFL (các cửa hàng mở trước năm 2019) tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ.
 - EBITDA Quý 4/2020 đạt mức 0,2%. Biên EBITDA của VCM liên tục được cải thiện: (4,8)% vào Quý 1/2020; (8,4)% vào Quý 2/2020 (chịu ảnh hưởng bởi biện pháp giãn cách xã hội do COVID-19); (3,0)% vào Quý 3/2020; và 0,2% vào Quý 4/2020. Trong Quý 4/2020, nếu không bao gồm chi phí quản lý chung, các cửa hàng mini VinMart+ và siêu thị VinMart LFL đạt biên EBITDA dương lần lượt là 4,1% and 2,8%
 - Các cửa hàng mini VinMart+ LFL có doanh thu/m2 tăng trưởng hai chữ số, đạt mức 10,7% vào năm 2020, tạo đà tăng trưởng mạnh mẽ cho năm 2021.
 - MCH: Các phát kiến mới và đầu tư vào thương hiệu mạnh thúc đẩy hiệu quả hoạt động
 - Tăng trưởng hơn 20% trong 4 quý liên tiếp nhờ vào khả năng đổi mới sáng tạo và đầu tư vào thương hiệu.
 - Các phát kiến mới đóng góp 43% vào tăng trưởng doanh thu của MCH trong năm 2020, đặt nền móng vững chắc cho tăng trưởng hai chữ số trong trung hạn. Thực phẩm và sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình là các danh mục thúc đẩy phần lớn tăng trưởng cho MCH.
- **MML**: Mảng kinh doanh thịt tích hợp mở rộng quy mô và tăng trưởng mạnh mẽ. Vượt qua các thách thức do tình hình dịch bệnh, mảng thức ăn chăn nuôi tạo ra dòng tiền ổn định.
 - Doanh thu thuần năm 2020 tăng 16,8% lên 16.119 tỷ đồng, biên EBITDA năm 2020 đạt mức 11.7%.
 - Mảng kinh doanh thịt tích hợp bao gồm chuỗi cung ứng trang trại của MML mang lại doanh thu thuần 2,378 tỷ đồng trong năm 2020, đóng góp 15% vào doanh thu thuần hợp nhất của MML, tăng gấp 5 lần so với năm 2019. Nhờ vào chuỗi cung ứng tích hợp, biên EBITDA năm 2020 của mảng kinh doanh thịt tích hợp đạt 6,9% do giá heo hơi tiếp tục ở mức đỉnh từ trước đến nay.
 - Quý 4/2020, MML đầu tư góp vốn 51% và tích hợp thành công 3F VIET, công ty cung cấp sản phẩm thịt gia cầm có thương hiệu hàng đầu ở thị trường nội địa. Đây là thương vụ sáp nhập nằm trong chiến lược mở rộng danh mục kinh doanh đạm động vật của MML nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đạm động vật đa dạng của người tiêu dùng.
 - Năm 2020, doanh thu mảng thức ăn chăn nuôi tăng trưởng ổn định ở mức 2,8% lên 13.746 tỷ đồng, biên EBITDA cả năm đạt mức 12,5% với định hướng của Ban Điều Hành tập trung thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận. Ngành chăn nuôi bước đầu hồi phục, thức ăn chăn nuôi và thức ăn gia cầm của MML tăng trưởng 30% trong Quý 4/2020. Nhìn chung, mảng thức ăn chăn nuôi của MML đã tăng trưởng 13,5% so với quý trước (“QoQ”).
- **MHT**: Thiết lập nền móng để vươn lên trở thành doanh nghiệp vonfram cận sâu hàng đầu thế giới.
 - Doanh thu thuần tăng trưởng 57,8% chủ yếu nhờ vào hợp nhất HCS vào tháng 6/2020 biên EBITDA đạt 19,3% cho năm tài chính 2020.
 - So với năm 2019, EBITDA của MHT năm 2020 giảm 23,8% xuống còn 1.433 tỷ đồng do nhu cầu trên toàn chuỗi giá trị vonfram sụt giảm bởi những bất ổn của nền kinh tế toàn cầu trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và xung đột địa chính trị. Tuy nhiên, Ban Điều Hành đã hợp lý hóa chi phí hoạt động khoảng 530 tỷ đồng vào năm 2020 và sẽ tiếp tục hợp lý hóa chi phí vào năm 2021.

- MHT đã nắm bắt cơ hội mua lại 100% HCS với mức định giá hợp lý trong bối cảnh giá cả hàng hóa thấp, bằng chứng là tác động lợi thế thương mại âm một lần là 1.398 tỷ đồng. Việc kết hợp các tài nguyên sơ cấp của MHT với nền tảng vonfram cận sâu và năng lực tái chế của HCS sẽ giúp MHT vượt qua các biến động do chu kỳ giá cả hàng hóa.
- Tâm lý thị trường hiện nay và nhu cầu đối với các sản phẩm vonfram đã phục hồi khi sản lượng tiêu thụ APT hàng tháng của MHT vào tháng 12/2020 đạt mức cao nhất từ tháng 9/2019 đến nay. Giá LMB cho các sản phẩm vonfram APT đã phục hồi lên mức 245 USD / MTU, tăng 20% so với mức giá đáy vào năm 2020. Giá florit ổn định, giá đồng cao và giá bismut đang bắt đầu tăng.
- **TCB:** Tiếp tục gặt hái các kết quả kinh doanh ấn tượng: lợi nhuận trước thuế tăng 23,1%, đạt 15.800 tỷ đồng trong năm 2020 so với 12.838 tỷ đồng trong năm 2019.
 - CASA hiện nay chiếm gần 50% của cơ cấu nguồn vốn.
 - Kế hoạch sắp tới: tăng tốc giao dịch và thiết lập nền tảng thanh toán

Kết quả tài chính hợp nhất

- Doanh thu thuần hợp nhất tăng 106,7% lên 77.218 tỷ đồng trong năm 2020 so với mức 37.354 tỷ đồng trong năm 2019, được thúc đẩy bởi i) tăng trưởng nội tại ở mức hai chữ số ở mảng kinh doanh thịt (MML) và hàng tiêu dùng có thương hiệu (MCH) và ii) hợp nhất các mảng kinh doanh mới sáp nhập. Trên cơ sở so sánh tương đương (giả định hợp nhất kết quả kinh doanh năm 2019 của VCM), doanh thu thuần tăng 19,7%.
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho Cổ đông của Công ty đạt 265 tỷ đồng trong Quý 4/2020 và 1.234 tỷ đồng trong năm 2020, thấp hơn so với các kỳ tương ứng trước đó do:
 - Ảnh hưởng từ hợp nhất VCM và tăng lợi ích của cổ đông thiểu số do pha loãng tỉ lệ sở hữu của MSN tại MCH;
 - Khoản thu nhập 1 lần trị giá 1.398 tỷ đồng trong năm 2020 do tác động lợi thế thương mại âm từ thương vụ mua lại nền tảng kinh doanh vonfram của HCS thấp hơn khoản thu nhập 1.651 tỷ đồng do dàn xếp thành công vụ kiện Jacobs trong năm 2019.
 - MHT đạt lợi nhuận thấp hơn do giá cả hàng hóa và sản lượng bán ra thấp hơn; và
 - chi phí lãi vay cao hơn do Tập đoàn tăng các khoản vay để tăng tỷ lệ sở hữu tại The CrownX từ 70% lên 85% và tăng sở hữu tại VCM.
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho Cổ đông của Công ty bằng tiền mặt (không bao gồm khấu hao do điều chỉnh giá trị hợp lý và lợi thế thương mại từ các hoạt động sáp nhập, không bao gồm khấu hao do điều chỉnh giá trị hợp lý và lợi thế thương mại âm từ việc mua lại HCS) là 1.235 tỷ đồng trong năm 2020 so với 4.378 tỷ đồng trong năm 2019.
- **So sánh EBITDA trên cơ sở tương đương:** Trên cơ sở so sánh tương đương, biên EBITDA hợp nhất của MSN tăng 110 điểm cơ bản, đạt mức 13,4% vào năm 2020 so với mức 12,3% vào năm 2019, trong đó, lợi nhuận của VCM đã được cải thiện mạnh mẽ trong 12 tháng qua. Biên EBITDA Quý 4/2020 đạt 17,8%, tăng 400 điểm cơ bản so với Quý 4/2019, đánh dấu quý đầu tiên VCM đạt chỉ số EBITDA dương.
- **Phân tích Bảng cân đối kế toán:** Tính đến cuối tháng 12/2020, tổng nợ hợp nhất của MSN là 62.011 tỷ đồng, số dư tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt là 8.169 tỷ đồng, nợ ròng hợp nhất trên EBITDA của Masan là 4,6 lần (không bao gồm việc hợp nhất VCM do đang trong giai đoạn tăng tốc). Trong vòng 12 đến 18 tháng tới, Masan sẽ tập trung vào việc củng cố bảng cân đối kế toán và cân đối chỉ số đòn bẩy thông qua các giải pháp sau, hướng đến Nợ ròng / EBITDA trong khoảng từ 2,5 lần đến 3,0 lần:
 - Giảm nợ tại MHT sau khi tăng vốn chủ sở hữu thêm 90 triệu USD và sử dụng dòng tiền sẵn có trong quá trình hoạt động và cải thiện chu kỳ chuyển đổi vốn lưu động để trả các khoản nợ lãi cao hơn;

- Cải thiện các tỉ suất tài chính với EBITDA cao hơn trong tương lai gần thông qua tăng trưởng hai chữ số của MCH, mở rộng mảng kinh doanh thịt của MML, tích hợp nền tảng kinh doanh vonfram của HCS vào MHT và quan trọng nhất là đóng góp EBITDA dương từ VCM trong năm 2021; và
- Gọi vốn chủ sở hữu tại mỗi nền tảng của Công ty với ưu tiên dành cho các nhà đầu tư chiến lược có khả năng tạo giá trị gia tăng cho hiệu quả hoạt động.

Dự báo Kết quả tài chính năm 2021

Những dự báo dưới đây là kỳ vọng của Masan tính đến thời điểm hiện tại. Những dự báo này có thể thay đổi đáng kể do tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô, ví dụ như thay đổi giá cả hàng hóa và tỷ giá hối đoái, biến động kinh tế trong nước và toàn cầu, các sự kiện trên thế giới và tỷ lệ tăng trưởng tiêu dùng.

Sau đây là dự thảo kế hoạch năm 2021, kế hoạch sẽ được hoàn thiện và công bố trước các cuộc họp cổ đông thường niên của Masan và các công ty thành viên, hiện là các công ty đại chúng theo quy định của pháp luật.

- **Doanh thu của MSN:** Dự kiến tăng trưởng từ 20-40% do: i) tăng trưởng mạnh mẽ của The CrownX ii) mảng kinh doanh thịt tăng tốc, dự kiến đóng góp từ 20 – 40% doanh thu của MML, và iii) hợp nhất nền tảng HCS và MMC với giá cả hàng hóa được cải thiện.
- **Lợi nhuận của MSN:** Đặt mục tiêu biên EBITDA từ 15-20% và biên Lợi nhuận thuần từ 3-5% nhờ vào VCM đạt biên EBITDA dương, và mảng kinh doanh thịt của MML tiếp tục cải thiện biên EBITDA. Tiềm năng thúc đẩy lợi nhuận từ việc giảm nợ vay thông qua tăng vốn chủ sở hữu từ các nhà đầu tư chiến lược.
- **The CrownX:**
 - **VCM:** Doanh thu thuần dự kiến tăng 15%-20% do i) tăng trưởng doanh thu từ các cửa hàng hiện hữu ii) mở rộng hệ thống cửa hàng minimart và iii) tái định vị mô hình siêu thị VinMart.
 - **MCH:** Doanh thu thuần dự kiến tăng 15%-20% nhờ vào các phát kiến mới, chiến lược cao cấp hóa danh mục thực phẩm và mở rộng quy mô ngành hàng thức uống và sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình. Biên EBITDA dự kiến giữ ổn định do công ty đầu tư xây dựng thương hiệu và quảng bá phát kiến mới.
- **MML:** Doanh thu thuần tăng trưởng từ 25-50% nhờ mảng kinh doanh thịt tiếp tục mở rộng quy mô. Doanh thu của mảng kinh doanh thịt dự kiến đóng góp 20-40% vào tổng doanh thu của MML, được thúc đẩy bởi khả năng thâm nhập thị trường sâu hơn của thịt mát (gồm thịt heo và thịt gia cầm) và mở rộng danh mục thịt chế biến. Biên EBITDA của mảng thịt được cải thiện nhờ vào các động lực kể trên, mảng thức ăn chăn nuôi duy trì biên EBITDA từ 10 – 12%.
- **MHT:** Doanh thu thuần tăng trưởng từ 50 – 100% từ việc sáp nhập HCS và triển vọng thị trường hàng hóa dần khởi sắc. Biên EBITDA được cải thiện nhờ vào các động lực kể trên cùng với sở hữu chuỗi cung ứng linh hoạt.
- **Rủi ro:** Các biện pháp giãn cách xã hội tiếp tục được áp dụng nếu COVID-19 quay lại trong năm 2021 gây ra tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh siêu thị của The CrownX, tương tự như tình hình trong Quý 2/2020. Dịch tả heo châu Phi (ASF) tái xuất hiện trên diện rộng có thể gây ra biến động đáng kể cho hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi của MML.

Kết quả tài chính hợp nhất¹ Quý 4/2020 và cả năm 2020

Kết quả kinh doanh (1/2)

Tỷ đồng	4Q2020	4Q2019	Tăng trường	FY2020	FY2019	Tăng trường
Doanh thu thuần	21.600	10.976	96,8%	77.218	37.354	106,7%
<i>The CrownX</i>	14.716	na	na	54.277	na	na
<i>Masan Consumer Holdings</i>	7.612	6.256	21,7%	23.971	18.845	27,2%
<i>VinCommerce</i>	7.300	na	na	30.978	na	Na
<i>Masan MEATLife</i>	4.707	3.695	27,4%	16.119	13.799	16,8%
<i>Masan High-Tech Materials</i>	2.353	1.021	130,5%	7.426	4.706	57,8%
Lợi nhuận gộp	5.215	3.379	54,3%	17.889	10.941	63,5%
<i>The CrownX</i>	4.827	na	na	15.820	na	na
<i>Masan Consumer Holdings</i>	3.266	2.754	18,6%	9.929	7.890	25,8%
<i>VinCommerce</i>	1.378	Na	Na	5.232	Na	Na
<i>Masan MEATLife</i>	771	555	38,9%	2.725	2.266	20,3%
<i>Masan High-Tech Materials</i>	(22)	59	(137,3)%	161	735	(78,1)%
Biên lợi nhuận gộp	24,1%	30,8%		23,2%	29,3%	
<i>The CrownX</i>	32,8%	na	na	29,1%	na	na
<i>Masan Consumer Holdings</i>	42,9%	44,0%		41,4%	41,9%	
<i>VinCommerce</i>	18,9%	Na		16,9%	Na	
<i>Masan MEATLife</i>	16,4%	15,0%		16,9%	16,4%	
<i>Masan High-Tech Materials</i>	(0,9)%	5,8%		2,2%	15,6%	
SG&A²	(4.057)	(1.818)	123,2%	(16.207)	(6.098)	165,8%
<i>The CrownX</i>	(3.525)	na	na	(13.633)	na	na
<i>Masan Consumer Holdings</i>	(1.599)	(1.193)	34,0%	(5.202)	(4.099)	26,9%
<i>VinCommerce</i>	(1.940)	Na	Na	(8.445)	Na	Na
<i>Masan MEATLife</i>	(407)	(425)	(4,2)%	(1.652)	(1.478)	11,8%
<i>Masan High-Tech Materials</i>	(89)	(89)	(0,0)%	(498)	(247)	101,6%
% chi phí SG&A trên doanh thu	18,8%	16,6%		21,0%	16,3%	
<i>The CrownX</i>	24,0%	na	na	25,1%	na	na
<i>Masan Consumer Holdings</i>	21,0%	19,1%		21,7%	21,8%	
<i>VinCommerce</i>	26,6%	Na		27,3%	Na	
<i>Masan MEATLife</i>	8,6%	11,5%		10,2%	10,7%	
<i>Masan High-Tech Materials⁵</i>	3,8%	8,7%		6,7%	5,2%	
Lợi nhuận từ công ty liên kết	831	650	27,8%	2.640	2.182	21,0%
Khấu hao và phân bổ	1.702	765	122,5%	5.734	3.052	87,9%
EBITDA³	3.845	2.977	29,2%	10.346	10.077	2,7%
<i>The CrownX</i>	1.945	na	na	4.514	na	na
<i>Masan Consumer Holdings</i>	1.930	1.782	8,3%	5.749	4.695	22,4%
<i>VinCommerce</i>	16	Na	Na	(1.234)	Na	Na
<i>Masan MEATLife</i>	572	334	71,3%	1.881	1.562	20,4%
<i>Masan High-Tech Materials</i>	426	309	37,9%	1.433	1.881	(23,8)%
Đóng góp từ Techcombank	849	650	30,6%	2.646	2.165	22,2%
Biên EBITDA	17,8%	27,1%		13,40%	27,0%	
<i>The CrownX</i>	13,2%	na	na	8,3%	na	na
<i>Masan Consumer Holdings</i>	25,4%	28,5%		24,0%	24,9%	
<i>VinCommerce</i>	0,2%	Na		(4,0)%	Na	
<i>Masan MEATLife</i>	12,2%	9,0%		11,7%	11,3%	
<i>Masan High-Tech Materials</i>	18,1%	30,3%		19,3%	40,0%	

¹ Số liệu tài chính dựa trên số liệu của Ban Điều Hành và tuân thủ các chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Số liệu năm 2019 không bao gồm VCM. So sánh các số liệu quản trị của VCM được trình bày trong bảng thông tin chính của VCM bên dưới.

² Chi phí SG&A hợp nhất của MSN cao hơn tổng chi phí SG&A của các công ty thành viên do các chi phí ở công ty mẹ.

³ EBITDA bao gồm đóng góp từ TCB. EBITDA của VCM, bao gồm thu nhập từ nhà cung cấp dưới dạng "lợi nhuận từ thỏa thuận với nhà cung cấp", trong đó tùy thuộc vào các điều khoản hợp đồng, được ghi nhận là thu nhập tài chính & các thu nhập khác, theo VAS, là 71 tỷ đồng trong Quý 3/2020 và 190 tỷ đồng trong năm 2020.

Kết quả kinh doanh (2/2)

Tỷ đồng	4Q2020	4Q2019	Tăng trường	FY2020	FY2019	Tăng trường
Lợi nhuận / (Chi phí) tài chính thuần ⁴	(1.243)	(282)		(3.126)	(1.012)	
<i>Thu nhập tài chính</i>	177	238		1.431	1.188	
<i>Chi phí tài chính</i>	(1.420)	(520)		(4.557)	(2.201)	
Chi phí khác ⁵	227	92		1.129	1.092	
Thuế TNDN	(389)	(273)		(930)	(740)	
Lợi nhuận thuần trước thuế	584	1.748	(66,6)%	1.395	6.365	(78,1)%
Lợi nhuận thuần sau thuế	265	1.448	(81,7)%	1.234	5.558	(77,8)%
Lợi nhuận ròng tiền mặt sau thuế ⁵	409	1.606	(74,5)%	1.235	4.378	(71,8)%

Bảng cân đối kế toán nổi bật ⁶

Tỷ đồng	FY2020	FY2019	FY2018
Tiền và các khoản tương đương tiền ⁷	8.169	7.585	4.962
Nợ vay	62.011	30.016	21.995
Nợ vay ngắn hạn	22.545	18.340	9.244
Nợ vay dài hạn	39.466	11.676	12.752
Tổng tài sản	115.737	97.297	64.579
Tổng vốn sở hữu	25.030	51.888	34.080
Tổng vốn sở hữu không tính cổ đông thiểu số	15.938	42.780	29.487
Số lượng cổ phiếu đang phát hành (triệu cổ phiếu)	1.175	1.169	1.163

Các chỉ số tài chính tiêu biểu ⁸

Tỷ đồng	FY2020	FY2019	FY2018
Nợ vay/EBITDA⁹	4,6x	1,4x	1,6x
ROAA	1%	9%	9%
ROAE	4%	18%	22%
FFO¹⁰/Nợ vay	7%	21%	24%
FCF¹¹	1.943	3.813	4.622
Vòng quay tiền mặt	43	71	43
Số ngày tồn kho ¹²	68	82	60
Số ngày phải thu ¹³	6	6	10
Số ngày phải trả	32	17	27
CAPEX	(3.678)	(4.163)	(2.638)

⁴ Thu nhập tài chính trong Quý 3/2019 bao gồm 1.651 tỷ đồng từ dàn xếp vụ kiện Jacobs.

⁵ Không bao gồm khấu hao do điều chỉnh giá trị hợp lý và lợi thế thương mại từ các hoạt động sáp nhập, không bao gồm khấu hao do điều chỉnh giá trị hợp lý và lợi thế thương mại âm từ việc mua lại HCS.

⁶ Bảng cân đối kế toán bao gồm đóng góp từ VCM trong năm 2020 và năm 2019 do kết quả hợp nhất VCM kể từ ngày 31/12/2019.

⁷ Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm đầu tư ngắn hạn (chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn 3 đến 12 tháng) và các khoản phải thu liên quan đến hoạt động ngân quỹ và đầu tư (bao gồm các khoản phải có lãi suất nhất định).

⁸ Các chỉ số tài chính tiêu biểu trong năm 2018 và 2019 không bao gồm VCM, nhưng bao gồm VCM trong năm 2020.

⁹ Tỷ lệ nợ ròng/EBITDA sử dụng "Tiền mặt và các khoản tương đương tiền" theo chú thích 7 và không bao gồm EBITDA của VCM trong giai đoạn cải thiện lợi nhuận.

¹⁰ FFO: Tiền từ hoạt động thuần – được tính từ EBITDA và loại trừ đóng góp từ TCB, điều chỉnh cho doanh thu tài chính thuần không bao gồm khoản thu một lần từ việc bán trái phiếu chuyển đổi của TCB và điều chỉnh cho thuế thu nhập doanh nghiệp trong giai đoạn báo cáo ("TTM").

¹¹ FCF: Dòng tiền thuần được tính từ EBITDA và loại trừ đóng góp từ TCB, điều chỉnh cho thay đổi trong vốn lưu động, thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí đầu tư CAPEX.

¹² Số ngày tồn kho được tính bằng cách lấy số dư tồn kho cuối kỳ chia cho Giá vốn hàng bán.

¹³ Số ngày phải thu và phải trả được tính bằng việc lấy số dư cuối kỳ của khoản phải thu và phải trả chia cho doanh thu và giá vốn hàng bán.

Phân tích hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực

MCH

Tỷ đồng	Tăng trưởng Quý 4	Tăng trưởng cả năm
Doanh thu thuần ¹⁴	21,7%	27,2%
Gia vị	8,7%	12,4%
Thực phẩm tiện lợi ¹⁵	32,3%	38,5%
Thịt chế biến	74,9%	104,4%
Thức uống (Không cồn)	(3,1)%	5,0%
Lợi nhuận gộp	18,6%	25,8%
EBITDA	8,3%	22,4%

VCM

	FY2020	FY2019	FY2018
Số lượng cửa hàng vào cuối kỳ	2.354	3.022	1.806
VinMart	123	133	106
VinMart+	2.231	2.888	1.700
Cửa hàng mới			
VinMart	1	29	
VinMart+	84	1.240	

Những kết quả B2C nổi bật	4Q2020	4Q2019	FY2020	FY2019
Tăng trưởng LFL¹⁶ trên doanh thu /m²				
VinMart	(7,0)%		(12,6)%	
VinMart+	8,0%		10,7%	
Biên EBITDA	0,2%	(5,9)%	(4,0)%	(8,0)%

MHT

Giá hàng hóa trung bình ¹⁷	ĐVT	Trung bình	Trung bình	% thay đổi	31.12.20	31.12.19
		FY2020	FY2019			
Giá APT Châu Âu mức thấp	USD/mtu ¹⁸	222	240	(7)%	230	234
Giá Bismuth mức thấp	USD/lb	2,6	3,1	(15)%	2,9	2,6
Giá đồng	USD/t	6.163	6.021	2%	7.742	6.156
Florit cấp axit ¹⁹	USD/t	402	486	(17)%	412	425

Bảng tóm tắt sản lượng	ĐVT	FY2020	FY2019	Tăng trưởng
Quặng chế biến	Kt	3.869	3.788	2,1%
Sản phẩm vonfram (tinh quặng) – Bao gồm HCS	T	10.171	6.073	67,5%
Đồng trong tinh quặng Đồng (Tinh quặng)	T	9.061	8.026	12,9%
Florit cấp axit	T	219.920	238.003	(7,6)%
Bismut trong xỉ mặng Bismut (tinh quặng)	T	993	917	8,2%

¹⁴ Theo số liệu của Ban điều hành.

¹⁵ Bao gồm mì ăn liền, các giải pháp bữa ăn hoàn chỉnh, cháo ăn liền và những thực phẩm tiện lợi khác.

¹⁶ LFL: Tăng trưởng doanh số bán hàng trên cùng cửa hàng so sánh hiệu quả hoạt động của các cửa hàng mở cửa từ trước 2019 (hoạt động trong năm 2019 và 2020) và vẫn còn đang hoạt động đến thời điểm của báo cáo này so với hiệu quả hoạt động cùng kỳ năm trước.

¹⁷ Metals Bulletin.

¹⁸ MTU bằng 10kg. Ước lượng doanh thu cho 1 tấn vonfram, nhân số MTU với 100, giá USD trên 1 MTU và % giá thực nhận được (giá này phụ thuộc vào tính chất của hợp đồng và tính chất hóa học của sản phẩm hóa chất vonfram).

¹⁹ Khoáng sản công nghiệp.

Phân tích kết quả kinh doanh theo lĩnh vực

The CrownX: Công ty lớn thứ 2 trong lĩnh vực kinh doanh tiêu dùng tại Việt Nam đạt doanh thu thuần năm 2020 là 54.277 tỷ đồng (xấp xỉ 2,5 tỷ USD), tăng trưởng 18,1% và biên EBITDA đạt 8,3%, tương ứng 280 điểm cơ bản so với 5,5% trong năm 2019 trên cơ sở so sánh tương đương LFL. Doanh thu thuần trong Quý 4/2020 là 14.716 tỷ đồng, tăng 7,3% so với 13.719 tỷ đồng trong Quý 4/2019.

VCM: Biên EBITDA dương 0,2% trong Quý 4/2020 và trên đà đạt EBITDA dương cả năm 2021

■ Các kết quả kinh doanh nổi bật trong Quý 4/2020:

- **Tối ưu hóa mạng lưới:** đóng cửa 744 cửa hàng mini VinMart+ và 12 siêu thị VinMart trong năm 2020 giúp cải thiện EBITDA gần 424 tỷ đồng trong năm 2021. Khai trương 84 cửa hàng mini VinMart+ và 2 siêu thị VinMart. Trong các cửa hàng mini VinMart+ đóng cửa năm 2020, 42% nằm ở TP. HCM và 40% nằm ở các thành phố cấp 2. Đây là các điểm bán có tỷ lệ doanh thu/m² thấp hơn khoảng 50% so với mức yêu cầu để đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng.
- **Tối ưu hóa danh mục sản phẩm:** Giải phóng hàng tồn trong Quý 2/2020, triển khai lối danh mục hàng hóa chính sách giá mới trong Quý 3/2020 đã mang lại mức tăng trưởng LFL hai chữ số cho cửa hàng mini VinMart+.
- **Lợi nhuận thương mại (“TCM”):** TCM đạt 21,1% trong Quý 4/2020 so với 19,0% trong Quý 4/2019, nhờ các sáng kiến cải thiện TCM bắt đầu mang lại kết quả.
- **Đội ngũ lãnh đạo mới giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực bán lẻ:** Quý 4/2020, VCM chào đón ban điều hành có bề dày kinh nghiệm trong việc thay đổi hiệu quả hoạt động của các nhà bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam. Các ưu tiên quan trọng trong năm 2021 là mở rộng mô hình siêu thị mini VinMart+, chuyển đổi mô hình siêu thị VinMart, thực hiện các giải pháp chiến lược cải thiện TCM và thí điểm thành công mô hình mua trực tuyến nhằm tạo vị thế dẫn đầu trong ngành thương mại tích hợp online đến offline.

■ Động lực tăng trưởng doanh thu:

■ Các kết quả nổi bật của siêu thị mini VinMart+:

- Doanh thu VinMart+ tăng 9,8% trong Quý 4/2020 so với Quý 4/2019 và tăng 42,1% trong năm 2020 so với năm 2019, dù đã đóng cửa 660 cửa hàng. Các cửa hàng LFL đạt tăng trưởng doanh thu/m² lần lượt là 8,0% trong Quý 4/2020 và 10,7% trong năm 2020.
- Doanh thu/m² các cửa hàng LFL trung bình đạt 7,3 triệu đồng/m²/tháng; do đó tất cả các khu vực đều đạt EBITDA dương cấp cửa hàng LFL.
- **Cập nhật tình hình hoạt động tại các khu vực:** Khu vực TP. HCM bắt đầu mang lại kết quả tích cực, tăng trưởng doanh thu/m² các cửa hàng LFL đạt 17,1% trong Quý 4/2020 so với Quý 4/2019. Những cửa hàng LFL tại TP.HCM đã đạt mức hòa vốn vào Quý 4/2020.
- **Cập nhật tình hình hoạt động tại các khu vực:** Trong năm 2020, tăng trưởng doanh thu/m² các cửa hàng LFL tại Hà Nội đạt 7,5%, các thành phố cấp 1 tăng hơn 2,1%. Các cửa hàng LFL tại TP. HCM và các thành phố cấp 2 đều tăng trưởng doanh thu/m² ở mức 2 chữ số, lần lượt đạt 18,0% và 19,4% trong năm 2020.

■ Các kết quả nổi bật của siêu thị VinMart:

- Doanh thu trong Quý 4/2020 giảm 8,6% so với Quý 4/2019, chủ yếu do sự sụt giảm doanh số của các siêu thị bên trong trung tâm thương mại thuộc Vincom Retail (VRE). Tăng trưởng doanh thu/m² các cửa hàng LFL trong Quý 4/2020 giảm 7,0% so với Quý 4/2019.
- Hơn 95% doanh số sụt giảm do các siêu thị VinMart bên trong VRE. Trước đây, các siêu thị VinMart thuộc VRE đóng góp 66% vào tổng doanh số của VinMart. Trong Quý 4/2020, con số này giảm còn 56%.

- Các cửa hàng LFL nằm ngoài VRE tăng trưởng doanh thu/m² 8,0% trong Quý 4 và 4,8% trong năm 2020.
- **Cập nhật tình hình các khu vực:** Đóng góp 47% tổng doanh thu của siêu thị VinMart, khu vực Hà Nội đạt 5.6% tăng trưởng doanh thu/m² cho các cửa hàng LFL trong năm 2020 nhờ vào vị thế dẫn đầu của VinCommerce tại miền Bắc. TP. HCM, các thành phố cấp 1 và cấp 2 (những khu vực tập trung nhiều siêu thị thuộc VRE hơn) nhìn chung có mức tăng trưởng âm.
- **Động lực tăng trưởng lợi nhuận:** VCM ghi nhận EBITDA dương 16 tỷ đồng hay biên EBITDA đạt 0,2% trong Quý 4/2020, đây là quý đầu tiên ghi nhận lợi nhuận dương.
 - Các sáng kiến chiến lược bắt đầu mang lại kết quả với biên EBITDA cải thiện lên mức (4,0%) trong năm 2020 so với (8,0%) trong năm 2019. Biên EBITDA được cải thiện nhờ vào tăng trưởng doanh thu (đóng góp 60%), cải thiện biên lợi nhuận gộp (đóng góp 10%) và hợp lý hóa chi phí hoạt động cửa hàng (đóng góp 30%);
 - Biên lợi nhuận thương mại tổng hợp cải thiện 0,3% trong năm 2020. Các sáng kiến cải thiện TCM bắt đầu được áp dụng trong Quý 4/2020 và kỳ vọng cải thiện hơn nữa trong năm 2021;
 - Đóng cửa 756 cửa hàng không hiệu quả, tăng trưởng doanh thu/m² hai chữ số của cửa hàng mini VinMart+ và giảm chi phí vận hành/cửa hàng/tháng là 3 yếu tố giúp hợp lý hóa chi phí vận hành toàn Công ty. Chi phí hoạt động tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu giảm 2,8% trong năm 2020; và
 - Doanh thu bán lẻ của các nhãn hàng riêng trong năm 2020 tại siêu thị VinMart đạt tỷ trọng 10% và 8,1% tại cửa hàng mini VinMart+. Phát triển nhãn hàng riêng là một trọng tâm chiến lược để tăng lượng khách đến siêu thị và tăng trưởng lợi nhuận trong trung hạn.

MCH: doanh thu tăng trưởng 21,7% trong Quý 4/2020 và 27,2% trong năm 2020. Biên lợi nhuận gộp và biên EBITDA ổn định, lần lượt đạt 41,4% và 24,0% trong năm 2020.

- **Các điểm nổi bật trong Quý 4/2020:**
 - Doanh thu thuần Quý 4/2020 của MCH đạt 7.612 tỷ đồng, tăng 21,7% so với doanh thu thuần Quý 4/2019 là 6.256 tỷ đồng, nhờ vào tăng trưởng ở tất cả các ngành hàng và việc hợp nhất mảng chăm sóc gia đình và cá nhân (“HPC”).
 - Thịt chế biến và thực phẩm tiện lợi là những ngành hàng tăng trưởng nhanh nhất trong Quý 4/2020. Các giải pháp bữa ăn hoàn chỉnh tại nhà đang là xu hướng được người tiêu dùng ưa chuộng.
 - Chiến lược cao cấp hóa sản phẩm và phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng tiếp tục cho thấy kết quả kinh doanh ấn tượng, các sản phẩm này chiếm đến 49% doanh thu của ngành hàng thực phẩm tiện lợi trong Quý 4/2020. Các sản phẩm nước mắm cao cấp chiếm 11% doanh thu của toàn ngành hàng nước mắm.
 - Kênh bán lẻ hiện đại (“MT”) và chiến lược đô thị hóa tăng tốc với doanh số tại kênh MT tăng trưởng 62% trong Quý 4/2020 so với Quý 4/2019. Đóng góp doanh số từ kênh MT đã tăng lên, chiếm 10,2% tổng doanh thu trong năm 2020, so với mức 7,8% trong năm 2019.
- **Động lực tăng trưởng doanh thu:**
 - **Gia vị:** Tiếp tục đà tăng trưởng trong Quý 4/2020, tăng 8,7% so với Quý 4/2019. Nhìn chung, ngành hàng gia vị tăng trưởng 12,4% trong năm 2020.
 - Cao cấp hóa danh mục cốt lõi với sự ra mắt của dòng nước mắm hảo hạng: “Chinsu Cá Cơm Biển Đông”
 - Ngành hàng hạt nêm tiếp tục đạt tăng trưởng cao, ở mức 93,8% trong Quý 4/2020 so với Quý 4/2019, chiếm 9% doanh thu toàn ngành hàng gia vị trong Quý 4/2020, so với mức 7% vào Quý 3/2020.
 - **Thực phẩm tiện lợi:** Quý thứ tư liên tiếp tăng trưởng doanh thu trên 25% so với cùng kỳ năm trước, doanh thu Quý 4/2020 tăng 32,3% so với Quý 4/2019. Năm 2020, ngành hàng thực phẩm tiện lợi tăng trưởng 38,5%. Các giải pháp bữa ăn hoàn chỉnh tại nhà tiếp tục là

động lực tăng trưởng, tăng 140% so với năm 2019 và hiện đóng góp 23% doanh thu ngành hàng so với mức 13% trong Quý 4/2019.

- **Thịt chế biến:** Mang lại doanh thu 256 tỷ đồng, tăng 75% trong Quý 4/2020 so với Quý 4 năm 2019 và tăng trưởng gấp 2 lần trong năm 2020 so với năm 2019.
- **Đồ uống:** Năm 2020, dưới tác động của đại dịch COVID-19, lưu lượng khách ăn tại hàng quán suy giảm gây ảnh hưởng tiêu thụ sản phẩm đồ uống. Dù thị trường đồ uống tại Việt Nam sụt giảm hai chữ số, ngành hàng đồ uống của MCH chỉ giảm 3% trong Quý 4/2020 nhưng tăng trưởng 5% trong năm 2020. Tăng trưởng doanh thu năm 2020 được thúc đẩy bởi tăng trưởng 9% của các sản phẩm nước tăng lực, bao gồm Compact và Hồ Vắn. Các phát kiến mới đóng góp 19% vào doanh số của ngành hàng trong năm 2020.
- **Chăm sóc cá nhân và gia đình (HPC):** Ngành hàng HPC đóng góp 384 tỷ đồng doanh thu thuần trong Quý 4/2020 và 1.263 tỷ đồng trong năm 2020. Doanh thu tăng 29% trong năm 2020 trên cơ sở so sánh tương đương LFL. Bột giặt “Joins 2 trong 1” ra mắt thị trường vào nửa cuối năm 2020 tiếp tục đạt kết quả tốt.
- **Các ngành hàng khác:** Bia tăng trưởng gấp 2 lần trong Quý 4/2020 so với Quý 4/2019, và tăng 55% trong năm 2020, nhờ vào chiến dịch ra mắt bia “Red Ruby”. Doanh số cà phê hòa tan giảm 7%.
- **Động lực tăng trưởng lợi nhuận:**
 - **Biên lợi nhuận gộp:** đạt mức 42,9% trong Quý 4/2020 so với 44,0% trong Quý 4/2019. Trong năm 2020 biên lợi nhuận gộp gần như không đổi ở mức 41,4%. Biên lợi nhuận gộp cao hơn trong ngành hàng gia vị, thịt chế biến được bù trừ bởi tác động hợp nhất ngành hàng HPC với biên lợi nhuận gộp thấp hơn. Biên lợi nhuận gộp của HPC dự kiến tăng lên trong trung hạn nhờ vào nỗ lực đầu tư vào thương hiệu.
 - **Biên EBITDA:** biên EBITDA đạt 25,4% trong Quý 4/2020 và 24,0% trong năm 2020 như mục tiêu đề ra của Ban điều hành.
- **MML: Doanh thu tăng trưởng 27,4% trong Quý 4/2020 trong khi EBITDA cải thiện 71,3%; mở rộng sang thị trường thịt gia cầm đầy tiềm năng thông qua việc hợp nhất Công ty 3F VIỆT**
- **Kết quả kinh doanh nổi bật trong Quý 4/2020:**
 - **Doanh thu:** Doanh thu thuần Quý 4/2020 tăng 27,4% đạt 4.707 tỷ đồng so với mức 3.695 tỷ đồng trong Quý 4/2019, chủ yếu do tăng trưởng gấp 5 lần của mảng thịt tích hợp (trang trại + thịt) và tăng 15,1% của mảng thức ăn chăn nuôi.
 - **Biên lợi nhuận gộp:** đạt 16,4% trong Quý 4/2020, tăng 140 điểm cơ bản so với mức 15,0% trong Quý 4/2019. Tăng trưởng trong mảng thức ăn chăn nuôi và cải thiện trong biên lợi nhuận gộp của mảng thịt tích hợp là những động lực chính. Nhìn chung, biên lợi nhuận gộp của năm 2020 đạt 16,9%, tăng 50 điểm cơ bản so với năm 2019.
 - **Biên EBITDA:** biên EBITDA đạt 12,2% trong Quý 4/2020, cải thiện 320 điểm cơ bản so với Quý 4/2019. EBITDA trong Quý 4/2020 đạt 572 tỷ đồng do mảng thịt tích hợp có sự cải thiện lợi nhuận mạnh mẽ, trong khi mảng thức ăn chăn nuôi tiếp tục tối ưu hóa lợi nhuận thông qua tối ưu các chi phí hoạt động.
- **Động lực tăng trưởng doanh thu:**
 - **Màng thịt tích hợp:**
 - Màng thịt tích hợp (trang trại + thịt) đạt doanh thu 740 tỷ đồng trong Quý 4/2020, và 2.378 tỷ đồng trong năm 2020. Doanh thu màng thịt tích hợp tăng nhờ vào tăng trưởng doanh số của sản phẩm thịt mát và việc hợp nhất 3F VIỆT trong tháng 12/2020.
 - Tính đến cuối Quý 4/2020, MEATDeli đã có mặt tại 1.627 điểm bán, hiện diện tại hơn 1.200 cửa hàng mini VinMart+ ở Hà Nội và TP.HCM, so với 664 điểm bán vào tháng 12/2019.

- MML tiếp tục phát triển danh mục thịt chế biến với sự ra đời của sản phẩm thịt mát ướp sẵn trong năm 2020. Các sản phẩm mới thuộc danh mục thịt mát chế biến tiếp tục được mở rộng, dự kiến được ra mắt thị trường vào năm 2021, với mục tiêu đóng góp 10% vào tổng doanh số mảng thịt tích hợp trong năm 2021.
- **Mảng thức ăn chăn nuôi**
 - Doanh thu mảng thức ăn chăn nuôi trong Quý 4/2020 tăng 15,1% so với Quý 4/2019, với mảng thức ăn gia súc và gia cầm tăng trưởng doanh thu khoảng 30% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thức ăn gia súc trong Quý 4/2020 tăng 22% so với Quý 4/2019, do người chăn nuôi đang tái đàn heo trong bối cảnh giá heo hơi tăng cao, giữ ở mức trên 70.000 đồng một kg trong hầu hết năm 2020.
 - Sản lượng mảng thức ăn gia cầm tăng 34% trong Quý 4/2020 và 29% trong năm 2020, do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm trứng/thịt gà gia tăng trong bối cảnh giá thịt heo/giá heo hơi tăng cao.
 - Sản lượng mảng thức ăn thủy sản giảm 5% trong Quý 4/2020 so với Quý 4/2019, nhưng tăng 6% so với Quý 3/2020, do nhu cầu xuất khẩu hồi phục chậm sau COVID-19.
- **Động lực tăng trưởng lợi nhuận:**
 - **Mảng thịt tích hợp:** Mảng thịt tích hợp ghi nhận lợi nhuận EBITDA đạt 66 tỷ đồng trong Quý 4/2020, với biên lợi nhuận đạt 8,9%, nhờ vào việc tối ưu công suất chế biến, chất lượng heo đầu vào tốt hơn và biên lợi nhuận tích hợp từ trang trại và thịt. Do giá heo hơi hiện nay đang ở mức cao, Ban Điều Hành đang tìm kiếm nhiều sáng kiến để giảm giá heo hơi đầu vào và kỳ vọng các giải pháp này sẽ phát huy hiệu quả trong năm 2021.
 - **Mảng thức ăn chăn nuôi:** Đạt EBITDA 505 tỷ đồng trong Quý 4/2020, với biên EBITDA hai chữ số ở mức 12,7%, khi MML tiếp tục giảm chi phí SG&A. Biên lợi nhuận gộp đạt 16,9%, thấp hơn cùng kỳ năm trước do đóng góp của mảng thức ăn gia cầm cao hơn với biên lợi nhuận gộp thấp hơn ở mảng thức ăn gia súc.

MHT: Việc sáp nhập mảng kinh doanh vonfram của HCS và thành lập liên minh chiến lược với MMC giúp tăng tốc tầm nhìn của MHT trở thành nền tảng vật liệu công nghiệp công nghệ cao toàn cầu

- **Doanh thu thuần tăng 130%** - MHT ghi nhận doanh thu thuần 2.353 tỷ đồng trong Quý 4/2020, tăng 130% so với mức 1.021 tỷ đồng trong Quý 4/2019. Doanh thu vonfram tăng nhờ việc hợp nhất với HCS nhưng bù lại giá thị trường thấp hơn. Doanh thu florit giảm do sản lượng thấp hơn và giá thị trường giảm nhẹ.
- **EBITDA Quý 4/2020 đạt 426 tỷ đồng:** MHT đạt EBITDA là 426 tỷ đồng trong Quý 4/2020 và 1.433 tỷ đồng cho cả năm 2020 - giảm 24% so với cả năm 2019 chủ yếu phản ánh tác động giá thị trường của vonfram và đồng thấp. Trong năm 2020, đơn giá của vonfram nhìn chung không đổi dù hàm lượng thấp hơn 6% và tái chế thấp hơn 1%, phản ánh việc tiết kiệm chi phí đã được thực hiện trong cả năm. Đơn giá sản xuất florit cao hơn 5% so với năm trước khi hàm lượng florit thấp hơn 8% và được bù đắp một phần bởi các sáng kiến tiết kiệm chi phí. Đơn giá sản xuất đồng thấp hơn 14% chủ yếu nhờ hàm lượng đồng cao hơn.
- **Lợi nhuận sau thuế đạt 83 tỷ đồng trong Quý 4/2020** – MHT đạt 83 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trong Quý 4/2020 và 151 tỷ đồng trong năm 2020, thấp hơn 201 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Khoản lỗ hoạt động trong năm 2020 được bù đắp nhờ việc thực hiện Điều chỉnh giá sơ bộ (“PPA”) như một phần của việc sáp nhập HCS. Năm 2019 cũng ghi nhận khoản thu nhập một lần xấp xỉ 987 tỷ đồng từ việc dàn xếp vụ kiện tại trọng tài quốc tế với công ty Jacobs. Lợi nhuận thuần sau thuế năm 2020 sau khi kiểm toán có khả năng được điều chỉnh khi đây là lần đầu tiên MHT hợp nhất với một công ty nước ngoài theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS).

TCB: Báo cáo lợi nhuận trước thuế tăng 23,1% đạt 15.800 tỷ đồng trong năm 2020 so với 12.838 tỷ đồng trong năm 2019.

- Thông tin chi tiết về kết quả tài chính năm của TCB sẽ được ngân hàng trình bày trong báo cáo riêng theo nghĩa vụ công bố thông tin của TCB với vai trò là một công ty niêm yết.

GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Masan” hoặc “Tập đoàn”) tin vào triết lý “doing well by doing good”. Sứ mệnh của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ vượt trội cho hơn 90 triệu người dân Việt Nam, để họ chi trả ít hơn cho các nhu cầu cơ bản hàng ngày. Masan hiện thực hóa tầm nhìn này bằng cách thúc đẩy năng suất thông qua những phát kiến mới, áp dụng công nghệ, xây dựng thương hiệu mạnh, và tập trung hiện thực hóa những cơ hội lớn gắn với cuộc sống hàng ngày của đại đa số người dân.

Các Công ty thành viên và liên kết của Tập đoàn Masan là những Công ty dẫn đầu các lĩnh vực thực phẩm chế biến và đồ uống, thịt có thương hiệu, bán lẻ, sản xuất hóa chất công nghiệp và dịch vụ tài chính, là những lĩnh vực đang tăng trưởng cao của nền kinh tế Việt Nam.

LIÊN HỆ:

Dành cho Nhà đầu tư/Chuyên viên phân tích

Tanveer Gill

T: +84 28 6256 3862

E: tanveer@msn.masangroup.com

Dành cho Truyền thông

Phạm Thị Hồng Vân

T: +84 28 6256 3862

E: pr@msn.masangroup.com

Thông cáo báo chí này có những nhận định về tương lai trong các kỳ vọng, dự định hoặc chiến lược của Masan có thể liên quan đến những rủi ro và sự không chắc chắn. Những nhận định tương lai này, bao gồm cả những kỳ vọng của Masan, có chứa đựng những rủi ro, sự không chắc chắn và những yếu tố minh định hoặc tiềm ẩn, nằm ngoài tầm kiểm soát của Masan, có thể khiến cho kết quả thực tế trong hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, hoặc thành tích của Masan khác biệt rất lớn so với những nội dung được trình bày hoặc ngầm định trong các nhận định tương lai. Người đọc không nên xem những nhận định tương lai này là dự đoán, sự kiện sẽ xảy ra hoặc lời hứa về hiệu quả trong tương lai.